

PHỤ LỤC
CÁC ĐỊNH MỨC, ĐỊNH NGẠCH VÀ NỘI DUNG, BẢO DƯỠNG ĐỊNH
KỶ SÁU CẤP, SỬA CHỮA THƯỜNG XUYÊN, SỬA CHỮA LỚN
(Ban hành kèm theo Quyết định số/2026/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

1. NỘI DUNG CÔNG VIỆC VÀ ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG BẢO DƯỠNG CÁC CẤP BẢO DƯỠNG XE BUÝT ĐIỆN

1.1. Nội dung công việc và định mức lao động bảo dưỡng các cấp xe buýt điện lớn

1.1.1. Nội dung công việc và Định mức lao động bảo dưỡng Cấp I:

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.	0,5	3
2	Rửa xe: Vỗ xe, gôm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; Vệ sinh két nước làm mát.	2,5	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm tổng thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,5	5
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình Taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi	0,5	5
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của Động cơ	0,5	5
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,5	4
7	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.	0,5	4
8	Kiểm tra Má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh	0,5	5
9	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, Tác dụng của phanh tay, phanh chân, Đường ống phanh	1	5
10	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu	0,5	4
11	Kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái	0,5	3
12	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí	0,5	4
13	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	2	5
14	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát Pin tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	4
15	Kiểm tra lọc gió điều hòa trên xe Lọc sạch sẽ và không có cặn bẩn	1	5

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
16	Kiểm tra Ga điều hòa, kiểm tra dò rỉ và đảm bảo không có nhiều bong bóng lớn	0,5	4
17	Bôi trơn mỡ vào các vị trí bản lề thang dốc. Vệ sinh bề mặt cảm biến nếu có dấu hiệu bẩn.	0,5	4
18	Kiểm tra hoạt động Đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	1	4
19	Kiểm tra hoạt động, xiết lại Hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe	0,5	4
20	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	3
21	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe	1	5
22	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống camera quan sát	0,5	5
23	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống thông tin trên xe: Đèn LED, GPS, Loa	0,5	5
24	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1	3
	Cộng	18	

1.1.2. Nội dung công việc và Định mức lao động bảo dưỡng Cấp II

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng,	0,5	3
2	Rửa xe: Vỡ xe, găm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; Vệ sinh két nước làm mát,	2,5	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm tổng thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định,	0,5	5
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình Taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi	0,5	5
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của Động cơ	0,5	5
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,5	4
7	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng	1	5

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
	của bộ chuyển đổi Inverter		
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX	0,5	5
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1	0,5	5
10	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần,	0,5	4
11	Kiểm tra Má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh	0,5	5
12	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, Tác dụng của phanh tay, phanh chân, Đường ống phanh	1	5
13	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu	0,5	4
14	Kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái	0,5	3
15	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí	0,5	4
16	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	2	5
17	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc gãm	1	5
18	Bơm mỡ thanh cân bằng sau vào các vú mỡ	1	4
19	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát Pin tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	4
20	Kiểm tra lọc gió điều hòa trên xe Lọc sạch sẽ và không có cặn bẩn	1	5
21	Kiểm tra Ga điều hòa, kiểm tra dò rỉ và đảm bảo không có nhiều bong bóng lớn	0,5	4
22	Bôi trơn mỡ vào các vị trí bản lề thang dốc, Vệ sinh bề mặt cảm biến nếu có dấu hiệu bẩn,	0,5	4
23	Kiểm tra hoạt động Đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	1	4
24	Kiểm tra hoạt động, xiết lại Hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe	0,5	4
25	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	3
26	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu Hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe	1	5
27	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu Hệ thống camera quan sát	0,5	5
28	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín	0,5	5

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
	hiệu Hệ thống thông tin trên xe: Đèn LED, GPS, Loa		
29	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng,	1	3
	Cộng	22	

1.1.3. Nội dung công việc và Định mức lao động bảo dưỡng cấp III:

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng,	0,5	3
2	Rửa xe: Vỗ xe, gôm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; Rửa két nước làm mát,	2,5	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định,	0,5	5
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình Taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi	0,5	5
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của Động cơ	0,5	5
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,5	4
7	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần,	0,5	4
8	Kiểm tra Má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh	0,5	5
9	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, Tác dụng của phanh tay, phanh chân, Đường ống phanh	1	5
10	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch,	1	5
11	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: Vô lăng, thước lái, Rotuyn và các chi tiết liên quan	0,5	4
12	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu	0,5	4
13	Kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái	0,5	3
14	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí	0,5	4
15	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các	2	5

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
	khớp nối cao su liên kết hệ thống treo		
16	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	2	5
17	Kiểm tra hoạt động của cảm biến chiều cao, vệ sinh cảm biến, giắc cắm	0,5	5
18	Tháo moay ơ, kiểm tra phốt, bi moay ơ, vệ sinh và thay mỡ moay ơ,	4	5
19	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	2	5
20	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp	0,5	4
21	Thực hiện cân bằng lốp	1,5	5
22	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe	1,5	5
23	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát Pin tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	4
24	Kiểm tra lọc gió điều hòa trên xe Lọc sạch sẽ và không có cặn bẩn	1	5
25	Kiểm tra Ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ và đảm bảo không có nhiều bong bóng lớn	0,5	4
26	Bôi trơn mỡ vào các vị trí bản lề thang dốc, Vệ sinh bề mặt cảm biến nếu có dấu hiệu bẩn,	0,5	4
27	Kiểm tra hoạt động Đền, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	1	4
28	Kiểm tra hoạt động, xiết lại Hệ thống ghé ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe	0,5	4
29	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định.	0,5	3
30	Kiểm tra lưỡi gạt mưa nứt, vỡ, mòn và thay thế nếu cần,	0,5	3
31	Kiểm tra tình trạng bình cứu hỏa	0,5	3
32	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (Cảm biến đỗ, lùi, ...)	1	5
33	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa	0,5	4
34	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe	1	5
35	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu Hệ thống camera quan sát	0,5	5
36	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối	0,5	5

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
	tín hiệu Hệ thống thông tin trên xe: Đèn LED, GPS, Loa		
37	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng,	1	3
	Cộng	34	

1.1.4. Nội dung công việc và Định mức lao động bảo dưỡng cấp IV:

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng,	0,5	3
2	Rửa xe: Vỡ xe, gâm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; Rửa két nước làm mát,	2,5	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định,	0,5	5
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình Taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi	0,5	5
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của Động cơ	0,5	5
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,5	4
7	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter	1	5
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX	0,5	5
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1	0,5	5
10	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần,	0,5	4
11	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng Két nước, đường ống làm mát và các kết nối	0,5	4
12	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, kiểm tra hoạt động của các Bơm nước	0,5	4
13	Kiểm tra Cảm biến nhiệt độ về hư hỏng hoặc ngoại vật tác động	0,5	5
14	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	3
15	Kiểm tra Má phanh, đĩa phanh, tác dụng của	0,5	5

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
	phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh		
16	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, Tác dụng của phanh tay, phanh chân, Đường ống phanh	1	5
17	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu	0,5	4
18	Kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái	0,5	3
19	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí	0,5	4
20	Kiểm tra, thay thế lọc gió khô	0,5	4
21	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	2	5
22	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc găm	1	5
23	Bơm mỡ thanh cân bằng sau vào các vú mỡ	1	4
24	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát Pin tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	4
25	Kiểm tra lọc gió điều hòa trên xe Lọc sạch sẽ và không có cặn bẩn	1	5
26	Kiểm tra Ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ và đảm bảo không có nhiều bong bóng lớn	0,5	4
27	Bôi trơn mỡ vào các vị trí bản lề thang dốc, Vệ sinh bề mặt cảm biến nếu có dấu hiệu bẩn,	0,5	4
28	Kiểm tra hoạt động Đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	1	4
29	Kiểm tra hoạt động, xiết lại Hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe	0,5	4
30	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định.	0,5	3
31	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nổi tín hiệu Hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe	1	5
32	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nổi tín hiệu Hệ thống camera quan sát	0,5	5
33	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nổi tín hiệu Hệ thống thông tin trên xe: Đèn LED, GPS, Loa	0,5	5
34	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng,	1	3
	Cộng	24,5	

1.1.5. Nội dung công việc và Định mức lao động bảo dưỡng Cấp V:

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng,	0,5	3
2	Rửa xe: Vỡ xe, gôm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; Rửa két nước làm mát,	2,5	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định,	0,5	5
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình Taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi	0,5	5
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của Động cơ	0,5	5
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,5	4
7	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan, Kiểm tra cách điện các đường dây điện cao áp và hệ thống điện cao áp trên xe,	1	5
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter	1	5
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX	0,5	5
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1	0,5	5
11	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần,	0,5	4
12	Kiểm tra Má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh	0,5	5
13	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, Tác dụng của phanh tay, phanh chân, Đường ống phanh	1	5
14	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch,	1	5
15	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: Vô lăng, thước lái, Rotuyn và các chi tiết liên quan	0,5	4
16	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu	0,5	4
17	Kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái	0,5	3
18	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí	0,5	4
19	Kiểm tra hoạt động máy nén, các giác cắm,	0,5	4

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
	đường ống		
20	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	2	5
21	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	2	5
22	Kiểm tra hoạt động của cảm biến chiều cao, vệ sinh cảm biến, giắc cắm	0,5	5
23	Tháo moay ơ, kiểm tra phốt, bi moay ơ, vệ sinh và thay mỡ moay ơ,	4	5
24	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	2	5
25	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp	0,5	4
26	Thực hiện cân bằng lốp	1,5	5
27	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe	1,5	5
28	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc găm	1	5
29	Bơm mỡ thanh cân bằng sau vào các vú mỡ	1	4
30	Kiểm tra đường ống làm mát pin và các kết nối, chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng	0,5	4
31	Kiểm tra bơm nước và chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng	0,5	4
32	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát Pin tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	4
33	Kiểm tra Tấm lọc giàn lạnh điều hòa làm mát Pin (BTMS): Sạch và không có dấu hiệu của vết dầu, bẩn mất nguyên vẹn	1	4
34	Kiểm tra dàn nóng điều hòa làm mát Pin (BTMS) Sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường	1	4
35	Kiểm tra thành phần điện áp cao trong BTMS: Sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng, các dây điện kết nối và tiếp xúc tốt, Tiên hành đo điện trở cách điện ($\geq 5M\Omega$)	1	5
36	Kiểm tra lọc gió điều hòa trên xe Lọc sạch sẽ và không có cặn bẩn	1	5
37	Kiểm tra Ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ và đảm bảo không có nhiều bong bóng lớn	0,5	4
38	Tấm lọc điều hòa sạch và không có dấu hiệu của	0,5	4

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
	vết dầu, bẩn mát nguyên vẹn		
39	Kiểm tra các thành phần điện áp cao trong hệ thống điều hòa: Sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng, Đo điện trở cách điện ($\geq 10M\Omega$)	1	5
40	Kiểm tra Quạt dàn lạnh: Sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường	0,5	4
41	Kiểm tra Quạt dàn nóng: Sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường	0,5	4
42	Kiểm tra hệ thống dây điện, điều khiển: Không có dấu hiệu hư hỏng, các điểm tiếp xúc tốt,	0,5	4
43	Kiểm tra tình trạng lắp ráp điều hòa để tránh các tiếng ồn không mong muốn, Đảm bảo các bộ phận của máy nén được bôi trơn,	0,5	4
44	Kiểm tra điều hòa rò rỉ trên các đường ống, điểm nối, điểm hàn, van,,,	0,5	4
45	Kiểm tra tình trạng của các cao su và tấm cách nhiệt của mỗi đường ống điều hoà	0,5	4
46	Kiểm tra bộ điều khiển điều hòa: mã lỗi và tình trạng nút bấm	0,5	4
47	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa trước,	0,5	3
48	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới, Bôi trơn các vị trí cơ cấu bánh răng và giá đỡ cửa trước,	0,5	3
49	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa trước	0,5	3
50	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa sau,	0,5	3
51	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới cửa sau,	0,5	3
52	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa sau	0,5	3
53	Bôi trơn mỡ vào các vị trí bản lề thang dốc, Vệ sinh bề mặt cảm biến nếu có dấu hiệu bẩn,	0,5	4
54	Kiểm tra hoạt động Đền, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	1	4
55	Kiểm tra hoạt động, xiết lại Hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe	0,5	4
56	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định.	0,5	3
57	Kiểm tra lưỡi gạt mưa nứt, vỡ, mòn và thay thế nếu cần,	0,5	3
58	Kiểm tra tình trạng bình cứu hỏa	0,5	3
59	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (Cảm biến đỗ, lùi, ...)	1	5
60	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí	0,5	4

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
	lắp các nắp che sửa chữa		
61	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nói tín hiệu Hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe	1	5
62	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nói tín hiệu Hệ thống camera quan sát	0,5	5
63	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nói tín hiệu Hệ thống thông tin trên xe: Đèn LED, GPS, Loa	0,5	5
64	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng,	1	3
	Cộng	51,5	

1.1.6. Nội dung công việc và Định mức lao động bảo dưỡng Cấp VI:

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.	0,5	3
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; Rửa két nước làm mát.	2,5	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,5	5
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình Taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi	0,5	5
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của Động cơ	0,5	5
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,5	4
7	Bảo dưỡng Pin theo quy trình Bảo dưỡng riêng của Pin	15,0	5
8	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan. Kiểm tra cách điện các đường dây điện cao áp và hệ thống điện cao áp trên xe.	1,0	5
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter	1,0	5
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX	0,5	5
11	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng	0,5	5

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
	Bộ All in 1		
12	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.	0,5	4
13	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng Két nước, đường ống làm mát và các kết nối	0,5	4
14	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, kiểm tra hoạt động của các Bơm nước	0,5	4
15	Kiểm tra Cảm biến nhiệt độ về hư hỏng hoặc ngoại vật tác động	0,5	5
16	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	3
17	Kiểm tra Má phanh, đĩa phanh, tác dụng của phanh, hành trình tự do bàn đạp phanh	0,5	5
18	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, Tác dụng của phanh tay, phanh chân, Đường ống phanh	1,0	5
19	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch.	1,0	5
20	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: Vô lăng, thước lái, Rotuyn và các chi tiết liên quan	0,5	4
21	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu	0,5	4
22	Kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái	0,5	3
23	Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí	0,5	4
24	Kiểm tra hoạt động máy nén, các giắc cắm, đường ống	0,5	4
25	Kiểm tra, thay thế lọc gió khô	0,5	4
26	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	2,0	5
27	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	2,0	5
28	Kiểm tra hoạt động của cảm biến chiều cao, vệ sinh cảm biến, giắc cắm	0,5	5
29	Bổ sung dầu cầu sau nếu thiếu	1,0	4
30	Tháo moay ơ, kiểm tra phốt, bi moay ơ, vệ sinh và thay mỡ moay ơ.	4,0	5
31	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	2,0	5

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
32	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp	0,5	4
33	Thực hiện cân bằng lốp	1,5	5
34	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe	1,5	5
35	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc găm	1,0	5
36	Bơm mỡ thanh cân bằng sau vào các vú mỡ	1,0	4
37	Kiểm tra đường ống làm mát và các kết nối, chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng	0,5	4
38	Kiểm tra bơm nước và chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng	0,5	4
39	Kiểm tra hoạt động của cảm biến, vệ sinh cảm biến nhiệt độ, giắc cắm	1,0	4
40	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát Pin tại bình nước phụ đến mức quy định	0,5	4
41	Kiểm tra Tấm lọc giàn lạnh điều hòa làm mát Pin (BTMS): Sạch và không có dấu hiệu của vết dầu, bẩn mất nguyên vẹn	1,0	4
42	Kiểm tra dàn nóng điều hòa làm mát Pin (BTMS) Sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường	1,0	4
43	Kiểm tra thành phần điện áp cao trong BTMS: Sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng, các dây điện kết nối và tiếp xúc tốt. Tiến hành đo điện trở cách điện ($\geq 5M\Omega$)	1,0	5
44	Kiểm tra cảm biến nhiệt độ điều hòa trên xe và chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng	0,5	5
45	Kiểm tra lọc gió điều hòa trên xe Lọc sạch sẽ và không có cặn bẩn	1,0	5
46	Kiểm tra Ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ và đảm bảo không có nhiều bong bóng lớn	0,5	4
47	Tấm lọc điều hòa sạch và không có dấu hiệu của vết dầu, bẩn mất nguyên vẹn	0,5	4
48	Kiểm tra các thành phần điện áp cao trong hệ thống điều hòa: Sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng. Đo điện trở cách điện ($\geq 10M\Omega$)	1,0	5
49	Kiểm tra Quạt dàn lạnh: Sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường	0,5	4
50	Kiểm tra Quạt dàn nóng: Sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường	0,5	4
51	Kiểm tra hệ thống dây điện, điều khiển: Không có dấu hiệu hư hỏng, các điểm tiếp xúc tốt.	0,5	4

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
52	Kiểm tra tình trạng lắp ráp điều hòa để tránh các tiếng ồn không mong muốn. Đảm bảo các bộ phận của máy nén được bôi trơn.	0,5	4
53	Kiểm tra điều hòa rò rỉ trên các đường ống, điểm nối, điểm hàn, van,..	0,5	4
54	Kiểm tra tình trạng của các cao su và tấm cách nhiệt của mỗi đường ống điều hòa	0,5	4
55	Kiểm tra bộ điều khiển điều hòa: mã lỗi và tình trạng nút bấm	0,5	4
56	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa trước.	0,5	3
57	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới. Bôi trơn các vị trí cơ cấu bánh răng và giá đỡ cửa trước.	0,5	3
58	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa trước	0,5	3
59	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa sau.	0,5	3
60	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới cửa sau.	0,5	3
61	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa sau	0,5	3
62	Kiểm tra/ Bôi trơn các vị trí bản lề và chốt nắp cốp sau	0,5	3
63	Bôi trơn mỡ vào các vị trí bản lề thang dốc. Vệ sinh bề mặt cảm biến nếu có dấu hiệu bẩn.	0,5	4
64	Kiểm tra hoạt động Đền, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	1,0	4
65	Kiểm tra hoạt động, xiết lại Hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe	0,5	4
66	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát tại bình nước phụ đến mức quy định.	0,5	3
67	Kiểm tra lưới gạt mưa nút, vỡ, mòn và thay thế nếu cần.	0,5	3
68	Kiểm tra tình trạng bình cứu hỏa	0,5	3
69	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (Cảm biến đỗ, lùi, ...)	1,0	5
70	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa	0,5	4
71	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nổi tín hiệu Hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe	1,0	5
72	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nổi tín hiệu Hệ thống camera quan sát	0,5	5
73	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nổi tín hiệu Hệ thống thông tin trên xe: Đền LED, GPS,	0,5	5

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
	Loa		
74	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1,0	3
	Cộng	72,0	

1.2. Nội dung công việc và định mức lao động bảo dưỡng các cấp xe buýt điện trung bình và nhỏ

1.2.1. Nội dung công việc và Định mức lao động Cấp I:

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công		Cấp bậc lao động	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ, dụng cụ, vật tư, phụ tùng.	0,50	0,50	3	3
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, vệ sinh két nước làm mát.	2,00	2,00	3	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm tổng thành; kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,50	0,50	5	5
4	Kiểm tra, xiết chặt các chi tiết, gối, khớp, hệ thống, ... thuộc hệ thống gầm và khoang sau.	0,25	0,25	5	5
5	Bơm mỡ vào các thanh lái, ác phi dê.	0,25	0,25	3	3
6	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi.	0,50	0,50	5	5
7	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của các động cơ điện.	0,50	0,50	5	5
8	Kiểm tra tình trạng hoạt động và điều chỉnh nếu có bất thường của hệ thống cửa khách trước và sau.	0,50	0,50	5	5
9	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ác quy thấp áp 12V.	0,25	0,25	4	4
10	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định.	0,50	0,50	4	4

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công		Cấp bậc lao động	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
11	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.	1,50	1,50	5	5
12	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.	0,50	0,50	3	3
13	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.	1,00	1,00	5	5
14	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần.	2,00	2,00	5	5
15	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc đến mức quy định.	0,50	0,50	3	3
16	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.	0,50	0,50	3	3
17	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ, bổ sung khí thiếu.	0,50	0,50	4	4
18	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.	0,75	0,75	4	4
19	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương.	0,50	0,50	4	4
20	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, búa thoát hiểm.	0,50	0,50	4	4
21	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, led, loa, ...	2,00	2,00	5	5
22	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo	1,00	1,00	4	4

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công		Cấp bậc lao động	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
	duỡng.				
		17,00	17,00		

1.2.2. Nội dung công việc và Định mức lao động Cấp II:

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công		Cấp bậc lao động	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ, dụng cụ, vật tư, phụ tùng.	0,50	0,50	3	3
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, vệ sinh két nước làm mát động cơ điện.	2,00	2,00	3	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm tổng thành; kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,50	0,50	5	5
4	Bơm mỡ vào các thanh lái, ắc phi dê	0,25	0,25	3	3
5	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi.	0,50	0,50	5	5
6	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện.	0,50	0,50	5	5
7	Kiểm tra tình trạng hoạt động và điều chỉnh nếu có bất thường của hệ thống cửa khách trước và sau.	0,50	0,50	5	5
8	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V.	0,25	0,25	4	4
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter.	0,50	0,50	5	5
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX.	0,50	0,50	5	5
11	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1.	0,50	0,50	5	5
12	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định.	0,50	0,50	3	3
13	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh,	1,50	1,50	5	5

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công		Cấp bậc lao động	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
	kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuya ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.				
14	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.	0,50	0,50	4	4
15	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.	1,00	1,00	4	4
16	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	2,00	2,00	5	5
17	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc găm, khoang sau.	1,00	1,00	5	5
18	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc xe đến mức quy định.	0,50	0,50	4	4
19	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.	0,50	0,50	3	3
20	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ, bổ sung khi thiếu.	0,50	0,50	4	4
21	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.	0,75	0,75	4	4
22	Kiểm tra hoạt động Đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	0,50	0,50	4	4
23	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, búa thoát hiểm.	0,50	0,50	4	4
24	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, LED, loa, ...	2,00	2,00	5	5
25	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1,00	1,00	3	3
	Cộng	19,25	19,25		

1.2.3. Nội dung công việc và Định mức lao động cấp III

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công		Cấp bậc lao động	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.	0,50	0,50	3	3
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, vệ sinh két nước làm mát.	2,00	2,00	3	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,50	0,50	5	5
4	Bơm mỡ vào các thanh lái, ắc phi dê.	0,25	0,25	3	3
5	Kiểm tra, xiết chặt các chi tiết, gối, khớp, hệ thống, ... thuộc hệ thống gầm và khoang sau.	0,25	0,25	5	5
6	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi	0,50	0,50	5	5
7	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện	0,50	0,50	5	5
8	Kiểm tra tình trạng hoạt động và điều chỉnh nếu có bất thường của hệ thống cửa khách trước và sau	0,50	0,50	5	5
9	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,25	0,25	4	4
10	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.	0,50	0,50	4	4
11	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tủy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.	1,50	1,50	5	5
12	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch.	1,00	1,00	5	5
13	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: vô lăng, thước lái, rotuyn và các	0,50	0,50	5	5

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công		Cấp bậc lao động	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
	chi tiết liên quan				
14	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.	0,50	0,50	3	3
15	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, ... Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.	1,00	1,00	5	5
16	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	1,50	1,50	5	5
17	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	1,50	1,50	5	5
18	Tháo vệ sinh, kiểm tra 04 moay ơ	4,00	4,00	5	5
19	Kiểm tra hoạt động của van điều khiển độ cao nhíp hơi, điều chỉnh về vị trí nguyên bản.	1,00	1,00	5	5
20	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	2,00	2,00	5	5
21	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp	0,50	0,50	5	5
22	Thực hiện cân bằng lốp, đảo lốp	1,50	1,50	5	5
23	Kiểm tra, thay thế trụ đứng nếu hư hỏng.	2,00	2,00	5	5
24	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định; kiểm tra két nước làm mát động cơ, mô tơ quạt làm mát nước động cơ	0,50	0,50	4	4
25	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc đến mức quy định.	0,50	0,50	4	4
26	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.	0,50	0,50	3	3
27	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra rò rỉ, bổ sung khí thiếu.	0,50	0,50	4	4

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công		Cấp bậc lao động	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
28	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.	0,75	0,75	4	4
29	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	0,50	0,50	4	4
30	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, búa thoát hiểm.	0,50	0,50	4	4
31	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định.	0,25	0,25	3	3
32	Kiểm tra lưới gạt mưa nút, vỡ, mòn và thay thế nếu cần.	0,25	0,25	3	3
33	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (Cảm biến đỗ, lùi, ...)	0,50	0,50	5	5
34	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa	0,25	0,25	4	4
35	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, LED, loa, ...	2,00	2,00	5	5
36	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1,00	1,00	3	3
	Cộng	32,25	32,25		

1.2.4. Nội dung công việc và Định mức lao động Cấp IV:

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công		Cấp bậc lao động	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
1	Chuẩn bị tác nghiệp: hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.	0,50	0,50	3	3
2	Rửa xe: vỏ xe, gầm xe, vệ sinh két nước làm mát.	2,00	2,00	3	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt	0,50	0,50	5	5

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công		Cấp bậc lao động	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
	động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.				
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi	0,50	0,50	5	5
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện.	0,50	0,50	5	5
6	Kiểm tra tình trạng hoạt động và điều chỉnh nếu có bất thường của hệ thống cửa khách trước và sau	0,25	0,25	5	5
7	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,25	0,25	4	4
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter	0,50	0,50	5	5
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX	0,50	0,50	5	5
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1	0,50	0,50	5	5
11	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ điện.	0,50	0,50	4	4
12	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc đến mức quy định.	0,50	0,50	4	4
13	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng két nước, đường ống làm mát và các kết nối của hệ thống làm mát động cơ điện và pin cao áp.	0,50	0,50	4	4
14	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, hoạt động của các bơm nước làm mát động cơ điện, pin cao áp.	0,50	0,50	4	4
15	Kiểm tra cảm biến nhiệt độ về hư hỏng hoặc ngoại vật tác động của hệ thống làm mát động cơ điện, pin.	0,50	0,50	5	5
16	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh,	1,50	1,50	5	5

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công		Cấp bậc lao động	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
	kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.				
17	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.	0,50	0,50	4	4
18	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, ... Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.	1,00	1,00	4	4
19	Kiểm tra, thay thế lọc sấy khô khí nén khi đến định ngạch.	0,50	0,50	4	4
20	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	1,00	1,00	5	5
21	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc gâm, khoang sau	0,50	0,50	5	5
22	Bơm mỡ vào các thanh lái, ắc phi dê.	0,25	0,25	3	3
23	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát Pin tại bình nước phụ đến mức quy định	0,50	0,50	4	4
24	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.	0,50	0,50	3	3
25	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra dò gi, bổ sung khi thiếu.	0,50	0,50	4	4
26	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.	0,75	0,75	4	4
27	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương	0,50	0,50	4	4
28	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, búa thoát hiểm – bổ sung.	0,50	0,50	4	4
29	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định	0,25	0,25	3	3
30	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giác cảm, nối tín hiệu hệ thống điều hành,	2,00	2,00	5	5

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công		Cấp bậc lao động	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
	thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, led, loa, ...				
31	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1,00	1,00	3	3
	Cộng	20,25	20,25		

1.2.5. Nội dung công việc và Định mức lao động Cấp V:

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công		Cấp bậc lao động	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.	0,50	0,50	3	3
2	Rửa xe: Vở xe, gôm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; Rửa két nước làm mát.	4,00	4,00	3	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,50	0,50	5	5
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi	0,50	0,50	5	5
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện.	0,50	0,50	5	5
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,25	0,25	4	4
7	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan. Kiểm tra cách điện các đường dây điện cao áp và hệ thống điện cao áp trên xe.	0,50	0,50	5	5
8	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter.	0,50	0,50	5	5
9	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX.	0,50	0,50	5	5

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công		Cấp bậc lao động	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1.	0,50	0,50	5	5
11	Kiểm tra, bổ sung dung dịch nước làm mát động cơ nếu cần.	0,50	0,50	4	4
12	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tụy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.	1,50	1,50	5	5
13	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch.	1,00	1,00	5	5
14	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: vô lăng, thước lái, rotuyn và các chi tiết liên quan	1,00	1,00	5	5
15	Kiểm tra tình trạng lọc dầu trong bình dầu, bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu.	0,50	0,50	4	4
16	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, ... Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.	1,00	1,00	5	5
17	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	1,50	1,50	5	5
18	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	1,50	1,50	5	5
19	Kiểm tra hoạt động của cảm biến chiều cao, vệ sinh cảm biến, giắc cắm. Kiểm tra hoạt động của van điều khiển độ cao nhíp hơi, điều chỉnh về vị trí nguyên bản.	1,00	1,00	5	5
20	Tháo vệ sinh, kiểm tra 04 moay ơ	4,00	4,00	5	5

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công		Cấp bậc lao động	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
21	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	1,00	1,00	5	5
22	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp	0,50	0,50	5	5
23	Thực hiện cân bằng lốp, đảo lốp	1,50	1,50	5	5
24	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe. Kiểm tra, thay thế trụ đứng nếu hỏng	2,00	2,00	5	5
25	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc gầm, khoang sau	0,50	0,50	5	5
26	Bơm mỡ vào các thanh lái, ốc phi dê.	0,25	0,25	3	3
27	Kiểm tra đường ống làm mát pin, làm mát động cơ điện và các kết nối, chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng	0,50	0,50	4	4
28	Kiểm tra bơm nước và chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng	0,50	0,50	4	4
29	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình nước phụ đến mức quy định.	0,50	0,50	4	4
30	Kiểm tra rò rỉ và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc đến mức quy định.	0,50	0,50	4	4
31	Kiểm tra, vệ sinh thành phần điện áp cao trong BTMS: sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng, các dây điện kết nối và tiếp xúc tốt. Tiến hành đo điện trở cách điện ($\geq 5M\Omega$).	0,50	0,50	5	5
32	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.	0,50	0,50	3	3
33	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra dò gi, bổ sung khi thiếu.	0,50	0,50	4	4
34	Kiểm tra vệ sinh tấm lọc điều hòa (tấm lọc vị trí dàn lạnh – nếu có) sạch và không có dấu hiệu của vết	0,50	0,50	4	4

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công		Cấp bậc lao động	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
	dầu, bản, mát nguyên vẹn.				
35	Kiểm tra, vệ sinh các thành phần điện áp cao trong hệ thống điều hòa: sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng. Đo điện trở cách điện ($\geq 10M\Omega$)	1,00	1,00	5	5
36	Kiểm tra, vệ sinh quạt dàn lạnh: Sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường.	1,50	1,50	4	4
37	Kiểm tra, vệ sinh quạt dàn nóng: sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường.	0,50	0,50	4	4
38	Kiểm tra bảng rơ le, cầu chì, hệ thống dây điện, điều khiển: Không có dấu hiệu hư hỏng, các điểm tiếp xúc tốt.	2,00	2,00	4	4
39	Kiểm tra tình trạng lắp ráp điều hòa để tránh các tiếng ồn không mong muốn.	0,50	0,50	4	4
40	Kiểm tra điều hòa rò rỉ trên các đường ống, điểm nối, điểm hàn, van, ...	0,50	0,50	4	4
41	Kiểm tra tình trạng của các cao su và tấm cách nhiệt của mỗi đường ống điều hoà.	0,50	0,50	4	4
42	Kiểm tra bộ điều khiển điều hòa: mã lỗi và tình trạng nút bấm	0,25	0,25	4	4
43	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa trước.	0,50	0,50	3	3
44	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới. Bôi trơn các vị trí cơ cấu bánh răng và giá đỡ cửa trước.	0,50	0,50	3	3
45	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa trước	0,50	0,50	3	3
46	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa sau.	0,50	0,50	3	3
47	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới cửa sau.	0,50	0,50	3	3

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công		Cấp bậc lao động	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
48	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa sau	0,50	0,50	3	3
49	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.	0,75	0,75	4	4
50	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển gương.	0,50	0,50	4	4
51	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, số lượng búa thoát hiểm.	0,50	0,50	4	4
52	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định.	0,25	0,25	3	3
53	Kiểm tra lưới gạt mưa nút, vỡ, mòn và thay thế nếu cần.	0,25	0,25	3	3
54	Kiểm tra tình trạng bình cứu hỏa	0,50	0,50	3	3
55	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (Cảm biến đỗ, lùi, ...)	0,50	0,50	5	5
56	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa	0,25	0,25	4	4
57	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống điều hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, LED, loa, ...	2,00	2,00	5	5
58	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1,00	1,00	3	3
	Cộng	47,75	47,75		

1.2.6. Nội dung công việc và Định mức lao động cấp VI:

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công		Cấp bậc lao động	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ;	0,50	0,50	3	3

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công		Cấp bậc lao động	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
	Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.				
2	Rửa xe: Vò xe, gặm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; Rửa két nước làm mát.	4,00	4,00	3	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,50	0,50	5	5
4	Kiểm tra hiển thị trên màn hình taplo, dùng máy chẩn đoán nếu có phát sinh hiển thị lỗi	0,50	0,50	5	5
5	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối, hư hỏng bên ngoài của động cơ điện.	0,50	0,50	5	5
6	Kiểm tra điện tích, vệ sinh cọc ắc quy thấp áp 12V	0,25	0,25	4	4
7	Bảo dưỡng pin theo quy trình bảo dưỡng riêng của pin	15,00	15,00	5	5
8	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan. Kiểm tra cách điện các đường dây điện cao áp và hệ thống điện cao áp trên xe.	1,00	1,00	5	5
9	Kiểm tra hư hỏng ngoại quan. Kiểm tra cách điện các đường dây điện thấp áp và hệ thống điện thấp áp trên xe.	1,00	1,00	5	5
10	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của bộ chuyển đổi Inverter	0,50	0,50	5	5
11	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng của SBOX	0,50	0,50	5	5
12	Kiểm tra cách điện, các điểm kết nối và hư hỏng Bộ All in 1	0,50	0,50	5	5
13	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát động cơ điện cao áp tại bình	0,50	0,50	4	4

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công		Cấp bậc lao động	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
	nước phụ đến mức quy định.				
14	Kiểm tra rò rỉ, hư hỏng két nước, đường ống làm mát và các kết nối của hệ thống làm mát động cơ điện và làm mát pin cao áp.	0,50	0,50	4	4
15	Kiểm tra rò rỉ hoặc hư hỏng, kiểm tra hoạt động của bơm nước làm mát pin và làm mát động cơ điện.	0,50	0,50	4	4
16	Kiểm tra hư hỏng hoặc ngoại vật tác động với cảm biến nhiệt độ nước làm mát.	0,50	0,50	5	5
17	Kiểm tra và bổ sung nước làm mát pin tại bình nước phụ trên nóc xe đến mức quy định.	0,50	0,50	4	4
18	Kiểm tra má phanh, đĩa phanh, điều chỉnh hành trình tự do bàn đạp phanh, kiểm tra rò rỉ, hư hỏng tuy ô khí nén của hệ thống phanh. Kiểm tra tác dụng của phanh tay, phanh chân.	1,50	1,50	5	5
19	Kiểm tra lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng máy chuyên dùng, điều chỉnh nếu có sai lệch.	1,00	1,00	5	5
20	Kiểm tra hư hỏng, xiết chặt các khớp nối: vô lăng, thước lái, rotuyn và các chi tiết liên quan	1,00	1,00	5	5
21	Thay lọc dầu trợ lực lái, kiểm tra bổ sung dầu trợ lực lái nếu thiếu	0,50	0,50	4	4
22	Kiểm tra máy nén khí: rò rỉ dầu, quạt làm mát, ... Kiểm tra và vệ sinh lọc gió máy nén khí, giảm âm máy nén khí.	1,00	1,00	5	5
23	Kiểm tra hoạt động máy nén, các giác cắm, đường ống	0,50	0,50	5	5
24	Kiểm tra, thay thế lọc gió khô	0,50	0,50	4	4

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công		Cấp bậc lao động	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
25	Kiểm tra hệ thống treo trước: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	1,50	1,50	5	5
26	Kiểm tra hệ thống treo sau: tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo	1,50	1,50	5	5
27	Kiểm tra hoạt động của cảm biến chiều cao, van điều khiển độ cao nhíp hơi, điều chỉnh về vị trí nguyên bản.	1,00	1,00	5	5
28	Kiểm tra mỡ cầu trước. Thay thế sau mỗi 500.000 km/4 năm, tùy điều kiện nào đến trước	1,00	1,00	4	4
29	Bổ sung dầu cầu sau nếu thiếu, thay thế khi đến định ngạch.	1,00	1,00	4	4
30	Tháo moay ơ, kiểm tra phốt, bi moay ơ, vệ sinh và thay mỡ moay ơ cầu sau.	4,00	4,00	5	5
31	Kiểm tra áp suất lốp, độ đảo, độ mòn bất thường, đo lại độ chụm nếu cần	1,00	1,00	4	4
32	Kiểm tra độ sâu và độ mòn hoa lốp	0,50	0,50	4	4
33	Thực hiện cân bằng lốp. Thực hiện căng bằng lốp, đảo lốp	1,00	1,00	4	4
34	Kiểm tra, điều chỉnh góc đặt bánh xe. Kiểm tra, thay thế trụ đứng nếu hỏng.	2,00	2,00	5	5
35	Kiểm tra dầu, lực xiết và xiết lại các vị trí trên các ốc găm, khoang sau	0,50	0,50	5	5
36	Bơm mỡ vào các thanh lái, ắc phi dê.	0,25	0,25	3	3
37	Kiểm tra thành phần điện áp cao trong BTMS: Sạch sẽ và không	0,50	0,50	4	4

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công		Cấp bậc lao động	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
	có dấu hiệu hư hỏng, các dây điện kết nối và tiếp xúc tốt. Tiến hành đo điện trở cách điện ($\geq 5M\Omega$)				
38	Dây điện làm mát pin không có dấu hiệu hư hỏng, các điểm tiếp xúc tốt.	0,50	0,50	5	5
39	Tiến hành đo điện trở cách điện làm mát pin ($\geq 5M\Omega$)	0,50	0,50	5	5
40	Kiểm tra cảm biến nhiệt độ điều hòa trên xe và chỉ thay thế khi gãy vỡ hoặc hư hỏng	0,50	0,50	5	5
41	Kiểm tra vệ sinh lọc gió điều hòa trần xe sạch sẽ, làm khô trước khi lắp lại.	0,50	0,50	3	3
42	Kiểm tra ga điều hòa, kiểm tra dò rỉ, bổ sung khi thiếu.	0,50	0,50	4	4
43	Kiểm tra vệ sinh tấm lọc điều hòa (tấm lọc vị trí dàn lạnh – nếu có) sạch và không có dấu hiệu của vết dầu, bẩn, mất nguyên vẹn.	0,50	0,50	4	4
44	Kiểm tra các thành phần điện áp cao trong hệ thống điều hòa: sạch sẽ và không có dấu hiệu hư hỏng. Đo điện trở cách điện ($\geq 10M\Omega$)	1,00	1,00	5	5
45	Kiểm tra Quạt dàn lạnh: sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường	0,50	0,50	4	4
46	Kiểm tra Quạt dàn nóng: sạch sẽ và không có tiếng kêu bất thường	0,50	0,50	4	4
47	Kiểm tra bảng rơ le, cầu chì, hệ thống dây điện, điều khiển: Không có dấu hiệu hư hỏng, các điểm tiếp xúc tốt.	2,00	2,00	4	4

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công		Cấp bậc lao động	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
48	Kiểm tra tình trạng lắp ráp điều hòa để tránh các tiếng ồn không mong muốn. Đảm bảo các bộ phận của máy nén được bôi trơn.	1,00	1,00	4	4
49	Kiểm tra điều hòa rò rỉ trên các đường ống, điểm nối, điểm hàn, van, ...	0,50	0,50	4	4
50	Kiểm tra tình trạng của các cao su và tấm cách nhiệt của mỗi đường ống điều hoà	0,50	0,50	4	4
51	Đo điện trở cách điện điều hoà ($\geq 10M\Omega$)	0,50	0,50	4	4
52	Thay thế lọc âm ga lạnh điều hoà nếu cần.	0,50	0,50	4	4
53	Kiểm tra bộ điều khiển điều hoà: mã lỗi và tình trạng nút bấm	0,50	0,50	4	4
54	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa trước.	0,50	0,50	3	3
55	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới. Bôi trơn các vị trí cơ cấu bánh răng và giá đỡ cửa trước.	0,50	0,50	3	3
56	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa trước	0,50	0,50	3	3
57	Kiểm tra tình trạng lắp ráp cửa sau.	0,50	0,50	3	3
58	Kiểm tra/ Bôi trơn tay đòn trên dưới cửa sau.	0,50	0,50	3	3
59	Kiểm tra rò rỉ các van và xi lanh cửa sau	0,50	0,50	3	3
60	Kiểm tra/ Bôi trơn các vị trí bản lề và chốt nắp cốp sau	0,50	0,50	3	3
61	Kiểm tra thang dốc, tra mỡ vào các bản lề, bơm mỡ vào các vị trí quy định (có vú mỡ). Vệ sinh bề mặt cảm biến.	0,75	0,75	4	4
62	Kiểm tra hoạt động đèn, còi, cảm biến đỗ xe, công tắc điều khiển	0,50	0,50	4	4

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công		Cấp bậc lao động	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
	gương				
63	Kiểm tra hoạt động, xiết lại hệ thống ghế ngồi, cột chống, tay vịn, vách ngăn trong xe, kiểm tra bình cứu hỏa, số lượng búa thoát hiểm.	0,50	0,50	4	4
64	Kiểm tra và bổ sung nước rửa kính tại bình nước đến mức quy định	0,25	0,25	3	3
65	Kiểm tra lưỡi gạt mưa nứt, vỡ, mòn và thay thế nếu cần.	0,25	0,25	3	3
66	Kiểm tra hoạt động cảm biến, vệ sinh cảm biến thân xe (Cảm biến đỗ, lùi, ...)	0,50	0,50	5	5
67	Kiểm tra mức độ chắc chắn của bản lề và vị trí lắp các nắp che sửa chữa	0,25	0,25	4	4
68	Kiểm tra hoạt động, vệ sinh các giắc cắm, nối tín hiệu hệ thống điều hành hành, thiết bị công nghệ trên xe: camera, GPS, LED, loa, ...	1,50	1,50	5	5
69	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1,00	1,00	3	3
	Cộng	68,50	68,50		

2. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ CÁC CẤP BẢO DƯỠNG XE BUÝT ĐIỆN

2.1. Định mức vật tư các cấp bảo dưỡng xe buýt điện lớn

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
	Cấp I		
1	Dầu rửa	Lít	1,0
2	Mỡ bơm ESP2	Kg	1,0
3	Giẻ lau	Kg	1,0
4	Nước làm mát	Lít	3,0
5	Băng dính điện	Cuộn	1,0

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
6	Giấy ráp	m	0,4
Cấp II			
1	Dầu rửa	Lít	1,0
2	Mỡ bơm ESP2	Kg	1,0
3	Giẻ lau	Kg	1,0
4	Nước làm mát	Lít	3,0
5	Băng dính điện	Cuộn	1,0
6	Giấy ráp	m	0,4
Cấp III			
1	Dầu rửa	Lít	1,0
2	Mỡ bơm ESP2	Kg	1,0
3	Giẻ lau	Kg	2,0
4	Nước làm mát	Lít	3,0
5	Băng dính điện	Cuộn	1,0
6	Giấy ráp	m	0,4
Cấp IV			
1	Dầu rửa	Lít	1,0
2	Mỡ bơm ESP2	Kg	1,0
3	Giẻ lau	Kg	1,0
4	Nước làm mát	Lít	3,0
5	Băng dính điện	Cuộn	1,0
6	Giấy ráp	m	0,4
Cấp V			
1	Dầu rửa	Lít	1,0
2	Mỡ bơm ESP2	Kg	1,0
3	Giẻ lau	Kg	2,0
4	Nước làm mát	Lít	3,0

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
5	Băng dính điện	Cuộn	1,0
6	Giấy ráp	m	0,4
Cấp VI			
1	Dầu rửa	Lít	1,0
2	Mỡ bơm ESP2	Kg	1,0
3	Giẻ lau	Kg	2,0
4	Nước làm mát	Lít	3,0
5	Lọc gió máy nén	Cái	1,0
6	Lọc dầu trợ lực	Cái	1,0
7	Băng dính điện	Cuộn	1,0
8	Giấy ráp	m	0,4
9	Má phanh	Bộ	1,0
10	Dầu trợ lực lái	Lít	7,0
11	Dầu cầu	Lít	12,0

2.2. Định mức vật tư các cấp bảo dưỡng xe buýt điện trung bình và nhỏ

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng	
			Trung bình	Nhỏ
Cấp I				
1	Dung dịch RP7	Lọ (400 ml)	1,0	1,0
2	Mỡ bơm bôi trơn	Kg	0,4	0,4
3	Giẻ lau	Kg	1,0	1,0
4	Nước làm mát	Lít	2,0	2,0
5	Băng dính điện	Cuộn	1,0	1,0
6	Giấy ráp	Tờ (0,5 m)	1	1
Cấp II				
1	Dung dịch RP7	Lọ (400 ml)	1,0	1,0
2	Mỡ bơm bôi trơn	Kg	0,4	0,4
3	Giẻ lau	Kg	1,0	1,0
4	Nước làm mát	Lít	2,0	2,0

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng	
			Trung bình	Nhỏ
5	Băng dính điện	Cuộn	1,0	1,0
6	Giấy ráp	Tờ (0,5 m)	1	1
	Cấp III			
1	Dung dịch RP7	Lọ (400 ml)	1,0	1,0
2	Mỡ bơm bôi trơn	Kg	0,4	0,4
3	Giẻ lau	Kg	1,0	1,0
4	Nước làm mát	Lít	2,0	2,0
5	Băng dính điện	Cuộn	1,0	1,0
6	Giấy ráp	Tờ (0,5 m)	1	1
	Cấp IV			
1	Dung dịch RP7	Lọ (400 ml)	1,0	1,0
2	Mỡ bơm bôi trơn	Kg	0,4	0,4
3	Giẻ lau	Kg	1,0	1,0
4	Nước làm mát	Lít	2,0	2,0
5	Băng dính điện	Cuộn	1,0	1,0
6	Giấy ráp	Tờ (0,5 m)	1	1
	Cấp V			
1	Dung dịch RP7	Lọ (400 ml)	2,0	2,0
2	Mỡ bơm bôi trơn	Kg	0,4	0,4
3	Giẻ lau	Kg	3,0	3,0
4	Nước làm mát	Lít	2,0	2,0
5	Băng dính điện	Cuộn	2,0	2,0
6	Giấy ráp	Tờ (0,5 m)	1	1
	Cấp VI			
1	Dung dịch RP7	Lọ (400 ml)	2,0	2,0
2	Mỡ bơm bôi trơn	Kg	0,4	0,4
3	Giẻ lau	Kg	3,0	3,0
4	Nước làm mát	Lít	2,0	2,0
5	Băng dính điện	Cuộn	2,0	2,0
6	Giấy ráp	Tờ (0,5 m)	1	1
7	Má phanh	Bộ	1	1

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng	
			Trung bình	Nhỏ
8	Lọc khô khí nén	Cái	1	1
9	Lọc gió máy nén	Cái	1	1
10	Dầu trợ lực lái	lít	2,9	2,9

3. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ, PHỤ TÙNG SỬA CHỮA LỚN

3.1. Định mức vật tư, phụ tùng sửa chữa lớn xe buýt điện

TT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)
I	Phần gầm và truyền lực		
1	Cầu trước, sau	bộ	500,000
2	Moay ơ trước, sau	cái	300,000
3	Nhíp hơi	cái	120,000
4	Đế nhíp hơi + giảm va đập	bộ	300,000
5	Tông phanh	cái	120,000
6	Cảm biến báo mòn má phanh	bộ	120,000
7	Cảm biến phanh ABS	cái	120,000
8	Hộp tay lái	cái	300,000
9	Vành tay lái + phím còi	bộ	300,000
10	Bi moay ơ	vòng	84,000
11	Chữ thập, gối đỡ, bi trung gian các đăng	bộ	84,000
12	Trục các đăng	cái	300,000
13	Bơm trợ lực tay lái	cái	120,000
14	Bánh răng các loại	bộ	300,000
15	Giảm xóc	cái	84,000
16	Bạc càng chữ A	cái	84,000
17	Các loại van hơi	bộ	120,000
18	Xi lanh đóng mở cửa hơi	cái	120,000
19	Bầu phanh trước, sau	cái	300,000
20	Cao su bầu phanh	cái	60,000
21	Gioăng phốt tay lái	bộ	120,000
22	Gioăng phốt cầu sau	bộ	60,000
23	Phốt moay ơ	bộ	24,000
24	Bulông tác kê	cái	120,000
25	Ắc bạc phi dê	bộ	120,000
26	Bánh răng vành chậu quả dứa	cái	300,000
27	Bô vi sai	bộ	300,000
28	Trục láp	cái	300,000
29	Trục ba ngang, ba dọc	bộ	300,000

TT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)
30	Rô tuyn lái	cái	120,000
31	Bộ công tắc điều khiển hộp số	bộ	120,000
32	Đĩa phanh	cái	150,000
33	La Jăng	cái	500,000
34	Séc măng bơm hơi	bộ	60,000
35	Xi lanh, pistong bơm hơi	cái	120,000
36	Cụm van đóng mở phanh tay	Bộ	300,000
37	Các loại bình hơi	cái	300,000
38	Các loại tụy ô cao su	cái	60,000
39	Các loại vòng bi cầu	vòng	180,000
40	Các loại cao su giảm chấn	cái	48,000
41	Bạc, ốc giăng cầu	cái	84,000
II	Phần điện		
1	Vòng bi động cơ điện 3 pha	Vòng	240,000
2	Bơm nước làm mát động cơ	cái	240,000
3	Bơm hơi (máy nén khí)	cái	270,000
4	Bơm nước làm mát Pin	cái	240,000
5	Hộp All in 1	Pin	300,000
6	Hộp Inverter	Pack	300,000
7	Hộp Làm mát Pin BTMS	Hộp	300,000
8	Pin (1 xe gồm 8 Pack Pin)	Hộp	540,000
9	Hộp điều khiển BCU A26 (Điều khiển hệ thống điện trên xe)	Hộp	300,000
10	Hộp điều khiển BCU A27 (Điều khiển hệ thống điện trên xe)	Hộp	300,000
11	Hộp điều khiển EVCU (Điều khiển toàn bộ hệ thống điện).	Hộp	300,000
12	Hộp ECU điều khiển hệ thống treo	Hộp	300,000
13	Hộp ECU điều khiển hệ thống phanh	Hộp	300,000
14	Hộp EVCU điều khiển hệ thống sạc Pin cho xe	Hộp	300,000
15	Còi điện	cái	50,000
16	Mô tơ gạt mưa	cái	100,000
17	Thanh giăng gạt mưa	bộ	240,000
18	Rơ le cắt mát	cái	120,000
19	Đèn pha, cos, xi nhan trước	cái	120,000
20	Các đèn sau (phanh, lùi, xi nhan)	Cái	120,000
21	Bóng đèn các loại	cái	24,000
22	Rơ le các loại	cái	80,000

TT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)
23	Công tắc các loại	cái	60,000
24	Cáp ắc quy	cái	180,000
25	Đồng hồ các loại	cái	180,000
26	Bộ đóng mở cửa điện	cái	120,000
27	Các loại cảm biến	cái	60,000
28	Van điện từ điều khiển	cái	120,000
29	Đèn LED xung quanh xe	bộ	240,000
30	Bảng điều khiển đèn led	bộ	40,000
31	Thẻ nhớ của bảng điều khiển	bộ	40,000
32	Camera	bộ	240,000
33	Màn hình camera	cái	40,000
34	Nguồn màn hình camera	cái	40,000
35	Ố ghi camera	cái	240,000
36	Bộ nguồn OBU	cái	240,000
37	Đèn trần	bộ	120,000
38	Cần, chổi gạt mưa	bộ	60,000
39	Hệ thống loa thông báo điểm dừng	bộ	240,000
III	Phần điều hoà		
1	Máy nén pistong điều hoà	cái	240,000
2	Bình lọc, làm khô	cái	72,000
3	Chổi than quạt dàn nóng, dàn lạnh	bộ	132,000
4	Mô tơ quạt dàn lạnh	cái	132,000
5	Mô tơ quạt dàn nóng	cái	132,000
6	Lưới lọc	bộ	48,000
7	Cụm van máy nén	bộ	96,000
8	Mặt đế dàn van máy nén	bộ	96,000
9	Xéc măng máy nén	bộ	96,000
10	Bạc vòng bi cố trục, cố biên hoặc cơ cấu dẫn động với bơm quay	bộ	84,000
11	Cụm pistong, tay biên	bộ	132,000
12	Van tiết lưu	cái	144,000
13	Tuy ô cao su	bộ	144,000
14	Cánh quạt dàn nóng, lạnh	cái	144,000
15	Cụm cảm biến điều khiển nhiệt độ	cái	96,000
16	Bộ rơ le, công tắc điều khiển	bộ	132,000
17	Máy nén điều hoà	bộ	400,000
18	Dàn lạnh	cái	400,000
19	Dàn nóng	cái	400,000
20	Bảng điều khiển	bộ	240,000
21	Công tắc áp suất	cái	240,000
22	Cụm đường ống cao áp	bộ	400,000

TT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)
23	Cụm đường ống thấp áp	bộ	400,000
24	Bình chứa	cái	400,000
25	Thay ga	kg	84,000
26	Thay dầu máy nén	ml	84,000

3.2. Định mức vật tư, phụ tùng sửa chữa lớn xe buýt trung bình và nhỏ

TT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)	
			TB	Nhỏ
I	Phần gầm và truyền lực			
1.	Cầu trước, sau	bộ	500.000	500.000
2.	Moay ơ trước, sau	cái	300.000	300.000
3.	Nhíp hơi	cái	120.000	120.000
4.	Đế nhíp hơi + giảm va đập	bộ	300.000	300.000
5.	Tổng phanh	cái	120.000	120.000
6.	Cảm biến báo mòn má phanh	bộ	120.000	120.000
7.	Cảm biến phanh ABS	cái	120.000	120.000
8.	Hộp tay lái	cái	300.000	300.000
9.	Vành tay lái + phím còi	bộ	300.000	300.000
10.	Bi moay ơ	vòng	84.000	84.000
11.	Bơm trợ lực tay lái	cái	120.000	120.000
12.	Bánh răng các loại	bộ	300.000	300.000
13.	Giảm chấn	cái	84.000	84.000
14.	Bạc càng chữ A	cái	84.000	84.000
15.	Các loại van hơi	bộ	120.000	120.000
16.	Xi lanh đóng mở cửa hơi	cái	120.000	120.000
17.	Bầu phanh trước, sau	cái	300.000	300.000
18.	Cao su bầu phanh	cái	60.000	60.000
19.	Gioăng phốt tay lái	bộ	120.000	120.000
20.	Gioăng phốt cầu sau	bộ	60.000	60.000
21.	Phốt moay ơ	bộ	24.000	24.000
22.	Bulông tắc kê	cái	120.000	120.000
23.	Ắc bạc phi dê	bộ	120.000	120.000
24.	Bánh răng vành chậu quả dứa	cái	300.000	300.000
25.	Bộ vi sai	bộ	300.000	300.000
26.	Trục láp	cái	300.000	300.000
27.	Trục ba ngang, ba dọc	bộ	300.000	300.000
28.	Rô tuyen lái	cái	120.000	120.000
29.	Bộ công tắc điều khiển hộp số	bộ	120.000	120.000
30.	Đĩa phanh	cái	150.000	150.000
31.	La Jăng	cái	500.000	500.000
32.	Séc măng bơm hơi	bộ	60.000	60.000
33.	Xi lanh, pistong bơm hơi	cái	120.000	120.000

TT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)	
			TB	Nhỏ
34.	Cụm van đóng mở phanh tay	Bộ	300.000	300.000
35.	Các loại bình hơi	cái	300.000	300.000
36.	Các loại tuya ô cao su	cái	60.000	60.000
37.	Các loại vòng bi cầu	vòng	180.000	180.000
38.	Các loại cao su giảm chấn	cái	48.000	48.000
39.	Bạc, ắc giăng cầu	cái	84.000	84.000
II	Phần điện			
1.	Vòng bi động cơ điện 3 pha	Vòng	240.000	240.000
2.	Bơm nước làm mát động cơ	cái	240.000	240.000
3.	Bơm hơi (máy nén khí)	cái	270.000	270.000
4.	Bơm nước làm mát Pin	cái	240.000	240.000
5.	Hộp All in 1	Pin	300.000	300.000
6.	Pin (1 xe gồm 10 Pack Pin)	Hộp	540.000	540.000
7.	Hộp điều khiển EVCU (Điều khiển toàn bộ hệ thống điện).	Hộp	300.000	300.000
8.	Hộp ECU điều khiển hệ thống treo	Hộp	300.000	300.000
9.	Hộp ECU điều khiển hệ thống phanh	Hộp	300.000	300.000
10.	Hộp EVCU điều khiển hệ thống sạc Pin cho xe	Hộp	300.000	300.000
11.	Còi điện	cái	50.000	50.000
12.	Mô-tơ gạt mưa	cái	100.000	100.000
13.	Thanh giăng gạt mưa	bộ	240.000	240.000
14.	Rơ le cắt mát	cái	120.000	120.000
15.	Đèn pha, cos, xi nhan trước	cái	120.000	120.000
16.	Các đèn sau (phanh, lùi, xi nhan)	Cái	120.000	120.000
17.	Bóng đèn các loại	cái	24.000	24.000
18.	Rơ le các loại	cái	80.000	80.000
19.	Công tắc các loại	cái	60.000	60.000
20.	Cáp ắc quy	cái	180.000	180.000
21.	Đồng hồ các loại	cái	180.000	180.000
22.	Bộ đóng mở cửa điện	cái	120.000	120.000
23.	Các loại cảm biến	cái	60.000	60.000
24.	Van điện từ điều khiển	cái	120.000	120.000
25.	Đèn LED xung quanh xe	bộ	240.000	240.000
26.	Bảng điều khiển đèn led	bộ	40.000	40.000
27.	Thẻ nhớ của bảng điều khiển	bộ	40.000	40.000
28.	Camera	bộ	240.000	240.000
29.	Màn hình camera	cái	40.000	40.000

TT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định ngạch (km)	
			TB	Nhỏ
30.	Nguồn màn hình camera	cái	40.000	40.000
31.	Ổ ghi camera	cái	240.000	240.000
32.	Bộ nguồn OBU	cái	240.000	240.000
33.	Đèn trần	bộ	120.000	120.000
34.	Cần, chổi gạt mưa	bộ	60.000	60.000
35.	Hệ thống loa thông báo điểm dừng	bộ	240.000	240.000
III	Phần Điều hòa			
1.	Máy nén pistong điều hòa	cái	240.000	240.000
2.	Bình lọc, làm khô	cái	72.000	72.000
3.	Chổi than quạt dàn nóng, dàn lạnh	bộ	132.000	132.000
4.	Mô tơ quạt dàn lạnh	cái	132.000	132.000
5.	Mô tơ quạt dàn nóng	cái	132.000	132.000
6.	Lưới lọc	bộ	48.000	48.000
7.	Cụm van máy nén	bộ	96.000	96.000
8.	Mặt đế dàn van máy nén	bộ	96.000	96.000
9.	Xéc măng máy nén	bộ	96.000	96.000
10.	Bạc vòng bi cố trục, cố biên hoặc cơ cấu dẫn động với bơm quay	bộ	84.000	84.000
11.	Cụm pistong, tay biên	bộ	132.000	132.000
12.	Van tiết lưu	cái	144.000	144.000
13.	Tuy ô cao su	bộ	144.000	144.000
14.	Cánh quạt dàn nóng, lạnh	cái	144.000	144.000
15.	Cụm cảm biến điều khiển nhiệt độ	cái	96.000	96.000
16.	Bộ rơ le, công tắc điều khiển	bộ	132.000	132.000
17.	Máy nén điều hòa	bộ	400.000	400.000
18.	Dàn lạnh	cái	400.000	400.000
19.	Dàn nóng	cái	400.000	400.000
20.	Bảng điều khiển	bộ	240.000	240.000
21.	Công tắc áp suất	cái	240.000	240.000
22.	Cụm đường ống cao áp	bộ	400.000	400.000
23.	Cụm đường ống thấp áp	bộ	400.000	400.000
24.	Bình chứa	cái	400.000	400.000
25.	Ga điều hoà	kg	84.000	84.000
26.	Dầu máy nén	ml	84.000	84.000

4. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG SỬA CHỮA LỚN

4.1. Định mức lao động sửa chữa lớn đối với xe buýt điện lớn

ST T	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
I.	Phần Gầm và truyền lực		
1	Làm thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe vào sửa chữa lớn	3	4
2	Công tác chuẩn bị: Chuẩn bị các hồ sơ: tờ trình sửa chữa lớn, phiếu yêu cầu sửa chữa, ... Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa, đồ nghề cầm tay, Rửa toàn bộ phần gầm, vỏ, xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô, Chẩn đoán, kiểm tu tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn,	50	4
3	Đưa xe vào vị trí sửa chữa, kê kích toàn bộ xe, tháo toàn bộ hệ thống lớp và các cụm tổng thành chi tiết liên quan	8,45	4
4	Tháo các cụm tổng thành khỏi xe và lắp sau sửa chữa		
	- Tháo, lắp trục các đăng	1,7	4
	- Tháo, lắp các bánh xe	3,4	3
	- Tháo, lắp moay ơ	13,6	3
	- Tháo, lắp dầm cầu sau	18,4	4
	- Tháo, lắp hệ thống càng chữ A cầu trước	20	4
	- Tháo, lắp hệ thống phanh, tổng phanh, cụm phanh tay, bầu phanh trước, sau,	6	4
	- Tháo lắp hệ thống lái, trợ lực lái	8	4
	- Tháo lắp bình hơi (1 bình)	1,5	4
5	Kiểm tu các chi tiết khi tháo, đo đạc các thông số kỹ thuật và lập phương án sửa chữa chi tiết,	38	6
6	Sửa chữa, thay thế các chi tiết trục các đăng	6,8	4
7	Sửa chữa các cụm moay ơ và các chi tiết liên quan	47,6	4
8	Sửa chữa, thay thế hệ thống lái và trợ lực lái,		
	- Thay bộ bạc, ắc trụ tay lái (Ăc phi nhê) (1 xe)	16	4
	- Thay các rô tuyn của càng A và đòn kéo (1 xe)	14	4
	- Thay bộ gioăng phốt hộp cơ cấu tay lái, điều chỉnh ăn khớp cơ cấu lái,	10,45	5
	- Thay bơm trợ lực lái	5	4

ST T	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
	- Thay tụy ô trợ lực lái	4	5
	- Thay ổ bi chữ thập trực tay lái	3,4	5
	- Thay ổ bi và sửa chữa giá đỡ trực tay lái	13,6	5
9	Sửa chữa hệ thống treo		
	- Thay bóng hơi (1 xe)	9	4
	- Sửa chữa thay thế đế bóng hơi (1 xe)	9	5
	- Sửa chữa thay thế cần điều chỉnh hơi (1 xe)	3,5	4
	- Thay thế giảm chấn (1 xe)	6	3
	Thay thế bạc cao su thanh giằng cầu	4	4
	Thay thế rô tuyen cân bằng (1 xe)	4	4
10	Sửa chữa, thay thế dẫn động phanh		
	- Thay tụy ô phanh	6,8	4
	- Thay tổng phanh hoặc cúp pen tổng phanh	5,1	5
	- Thay bộ chia dòng phanh	3,4	5
	- Thay rơ le hoặc van hơi các loại (1 xe)	5,1	5
	- Sửa chữa thay thế cụm phanh tay	4	4
	- Thay bầu phanh (1 xe)	6	4
	- Sửa chữa thay đĩa phanh (1 xe)	6	4
	- Thay má phanh	4	4
11	Thay thế đế + bầu lọc làm khô khí nén	3	4
12	Kiểm tra toàn bộ độ đảo, độ méo, độ mòn không đồng đều của hệ thống lốp, cân bằng động hệ thống vành bánh xe, lắp toàn bộ hệ thống lốp (thay lốp nếu đến định ngạch), hạ kích. Hoàn chỉnh toàn bộ, đi thử, bàn giao,	23,2	4
	Cộng	395	
II.	PHẦN ĐIỆN		
1	Làm thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe vào sửa chữa lớn	3	4
2	Rửa toàn bộ phần xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô	4	3
3	Chuẩn bị sản xuất: chuẩn bị các hồ sơ giấy tờ: tờ trình sửa chữa lớn, lệnh sửa chữa kèm biên bản nghiệm thu,... Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa, đồ nghề cầm tay. Chẩn đoán, kiểm tu tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn. Kiểm tu và lập phương án sửa chữa.	28	4
4	Đưa xe vào vị trí sửa chữa, tháo toàn bộ hệ thống		

ST T	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
	chi tiết, cụm chi tiết ra khỏi xe.		
	- Tháo, lắp động cơ điện	16	4
	- Tháo, lắp các cụm đèn trước	2	4
	- Tháo, lắp các cụm đèn sau	2	4
	- Tháo, lắp đèn nóc	2	4
	- Tháo, lắp các đèn trong xe	24	4
	Tháo, lắp pin (1 pack)	3	5
	Tháo, lắp inverter	5	5
	Tháo, lắp sbox	2	5
	Tháo, lắp all-in-one	4	5
	Tháo, lắp hộp điều khiển làm mát pin DCMS	3	5
	- Tháo, lắp loa, radio, micro...	3	4
	- Tháo, lắp khoang tấp lô	3	4
	- Tháo, lắp bộ gạt mưa	2	4
	- Tháo, lắp hệ thống đóng mở cửa (bao gồm van cơ khí, piston xylanh đóng mở cửa và cả các thanh giằng rô tuyn cửa)	6	4
	- Tháo, lắp bó dây đầu xe, bảng cầu chì	4	5
	- Tháo, lắp bó dây trần xe (tính cả ốp sườn, ốp trần)	20	5
	- Tháo, lắp bó dây sát xi	24	5
	- Tháo, lắp bó dây đuôi xe	12	5
	- Tháo, lắp bó dây khoang động cơ	16	5
	- Tháo, lắp hệ thống điều khiển rơ le, cầu chì, ác quy	8	4
5	Sửa chữa động cơ điện		
	- Thay vòng bi	10	5
	- Đo kiểm rô to, stato	8	5
6	Sửa chữa bó dây đầu xe, thay dây mới	18	5
7	Sửa chữa bó dây trần xe, thay dây mới	18	5
8	Sửa chữa bó dây sát xi, thay dây mới	18	5
9	Sửa chữa bó dây khoang động cơ, thay dây mới	20	5
10	Hệ thống làm mát pin		
	- Tháo, lắp bơm nước	3	4
	- Tháo, lắp đường ống làm mát và các kết nối	5	4
	- Tháo lắp cảm biến nhiệt độ	1	4
	- Tháo, lắp bình nước phụ	1	4
	- Thay thế dung dịch làm mát	2	4
	- Tháo, lắp dàn lạnh	1	4
	- Tháo, lắp dàn nóng	1	4

ST T	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
11	Hệ thống làm mát động cơ điện, sbox, inverter, all-in-one		
	- Tháo, lắp bơm nước	1	4
	- Tháo, lắp két nước	1,5	4
	- Tháo, lắp đường ống làm mát và các kết nối	3	4
	- Tháo, lắp bình nước phụ	0,5	4
	- Thay thế dung dịch làm mát	2	4
12	Kiểm tra sửa chữa, thay thế đèn led	24	4
13	Kiểm tra thay thế camera	6	4
14	Thay thế màn hình quảng cáo	8	4
15	Kiểm tra sửa chữa thay thế công tắc xuống xe	4	4
16	Thay thế các công sạc trên xe	4	4
17	Thay thế ắc quy 24V-200Ah	2	3
18	Kiểm tra hoàn thiện, bàn giao	6	5
	Cộng	364	
III.	PHẦN ĐIỀU HOÀ		
1	Làm thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe vào sửa chữa lớn	3	4
2	Rửa toàn bộ phần xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô.	4	3
3	Chuẩn bị sản xuất: Chuẩn bị hồ sơ giấy tờ, tờ trình sửa chữa lớn, lệnh sửa chữa kèm biên bản nghiệm thu, dự trữ vật tư phụ tùng... và các giấy tờ, tài liệu thông số kỹ thuật khác liên quan. Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa, đồ nghề cầm tay. Chẩn đoán, kiểm tra tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn. Kiểm tra và lập phương án sửa chữa.	18	4
4	Đưa xe vào vị trí sửa chữa, tháo toàn bộ hệ thống chi tiết, cụm chi tiết ra khỏi xe.		
	- Thu hồi ga	1,2	4
	- Tháo, lắp quạt dàn nóng, dàn lạnh	2,4	4
	- Tháo, lắp dàn nóng	3,6	5
	- Tháo, lắp dàn lạnh	4,8	5
	- Tháo, lắp hệ thống đường ống cao áp, thấp áp	19,2	5
	- Tháo, lắp vệ sinh cửa chia gió	24	4
	- Tháo, lắp máy nén điều hòa	2,4	5
	- Tháo, lắp bảng điện điều khiển	3,5	5
	- Tháo, lắp công tắc điều khiển	1,2	5

ST T	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)	Cấp bậc công việc
	- Tháo, lắp hệ thống dây điện	14,4	5
	- Tháo, lắp toàn bộ hệ thống trần xe	25	4
	- Tháo, lắp hộp DC-DC chuyển đổi và phân phối điện cho hệ thống điều hòa	3	4
	- Tháo, lắp fill lọc ga điều hòa	3	4
	- Tháo, lắp van tiết lưu	4	4
5	Sửa chữa, thay thế quạt dàn nóng, dàn lạnh.	7,2	5
6	Kiểm tra, xúc rửa, sửa chữa cánh tản nhiệt dàn nóng, thay thế	19,2	5
7	Kiểm tra, xúc rửa, sửa chữa cánh tản nhiệt dàn lạnh, thay thế	19,2	5
8	Kiểm tra, sửa chữa, thay thế máy nén	19	5
10	Kiểm tra sửa chữa, thay thế hệ thống điều khiển.	9,6	5
11	Kiểm tra, xử lý độ kín hệ thống	9,6	5
12	Đổ dầu máy nén, hút chân không, nạp ga	9,6	5
13	Hoàn thiện, đo kiểm, chạy thử, bàn giao	4	5
	Cộng	234,1	
IV.	PHẦN KHUNG XƯƠNG, VỎ, NỘI THẤT		
1	Tháo dỡ toàn bộ kính, tôn vỏ, ghế đệm, cửa xe, bậc lên xuống, chắn bùn xe	80	4
2	Sửa chữa phục hồi các khung cửa vỏ xe	540	5
3	Sửa chữa phục hồi phần vỏ, bậc lên xuống, chắn bùn xe	568	5
4	Sửa chữa phục hồi các ghế, đệm tựa, lắp ráp hoàn chỉnh lên xe	400	5
5	Sửa chữa phục hồi các dầm, xà, sàn xe, lớp bọc lót thành trong xe	480	5
6	Sửa chữa phục hồi, cửa lên xuống, các khung cửa kính, cửa thông gió	140	5
7	Lắp ráp hoàn chỉnh	110	5
8	Làm sạch bề mặt tôn vỏ xe, sàn xe, sơn chống gỉ sàn xe, ma tít, sơn lót toàn phần trong và ngoài vỏ xe, sơn bóng toàn bộ xe, kẻ các chữ trong và ngoài xe	390	5
	Cộng	2708	

4.2. Định mức lao động sửa chữa lớn đối với xe buýt điện trung bình và nhỏ

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)		Cấp bậc công việc	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
I.	PHẦN GÀM, TRUYỀN LỰC				
1	Làm thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe vào sửa chữa lớn	3,00	3,00	4	4
2	Công tác chuẩn bị: Chuẩn bị các hồ sơ: tờ trình sửa chữa lớn, phiếu yêu cầu sửa chữa, Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa, đồ nghề cầm tay. Rửa toàn bộ phần gầm, vỏ, xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô. Chẩn đoán, kiểm tra tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn.	50,00	50,00	4	4
3	Đưa xe vào vị trí sửa chữa, kê kích toàn bộ xe, tháo toàn bộ hệ thống lốp và các cụm tổng thành chi tiết liên quan	8,45	8,45	4	4
4	Tháo các cụm tổng thành khỏi xe và lắp sau sửa chữa				
	- Tháo, lắp các bánh xe	3,40	3,40	3	3
	- Tháo, lắp moay ơ	13,60	13,60	3	3
	- Tháo, lắp dầm cầu sau	18,40	18,40	4	4
	- Tháo, lắp hệ thống càng chữ A cầu trước	20,00	20,00	4	4
	- Tháo, lắp hệ thống phanh, tổng phanh, cụm phanh tay, bầu phanh trước, sau.	6,00	6,00	4	4
	- Tháo lắp hệ thống lái, trợ lực lái	8,00	8,00	4	4
	- Tháo lắp bình hơi (1 bình)	1,50	1,50	4	4
5	Kiểm tra các chi tiết khi tháo, đo đạc các thông số kỹ thuật và lập phương án sửa chữa chi tiết.	38,00	38,00	6	6
6	Sửa chữa các cụm moay ơ và các chi tiết liên quan	47,60	47,60	4	4
7	Sửa chữa, thay thế hệ thống lái và trợ lực lái.				

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)		Cấp bậc công việc	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
	- Thay bộ bạc, ắc trụ tay lái (Ắc phi nhê) (1 xe)	16,00	16,00	4	4
	- Thay các rô tuyn của càng A và đòn kéo (1 xe)	14,00	14,00	4	4
	- Thay bộ gioăng phốt hộp cơ cấu tay lái, điều chỉnh ăn khớp cơ cấu lái.	10,45	10,45	5	5
	- Thay bơm trợ lực lái	5,00	5,00	4	4
	- Thay tủy ô trợ lực lái	4,00	4,00	5	5
	- Thay ổ bi chữ thập trục tay lái	3,40	3,40	5	5
	- Thay ổ bi và sửa chữa giá đỡ trục tay lái	13,60	13,60	5	5
8	Sửa chữa hệ thống treo				
	- Thay bóng hơi (1 xe)	9,00	9,00	4	4
	- Sửa chữa thay thế đế bóng hơi (1 xe)	9,00	9,00	5	5
	- Sửa chữa thay thế cần điều chỉnh hơi (1 xe)	3,50	3,50	4	4
	- Thay thế giảm chấn (1 xe)	6,00	6,00	3	3
	Thay thế bạc cao su thanh giằng cầu	4,00	4,00	4	4
	Thay thế rô tuyn cân bằng (1 xe)	4,00	4,00	4	4
9	Sửa chữa, thay thế dẫn động phanh				
	- Thay tủy ô phanh	6,80	6,80	4	4
	- Thay tổng phanh hoặc phốt tổng phanh	5,10	5,10	5	5
	- Thay bộ chia dòng phanh	3,40	3,40	5	5
	- Thay rơ le hoặc van hơi các loại (1 xe)	5,10	5,10	5	5
	- Sửa chữa thay thế cụm phanh tay	4,00	4,00	4	4
	- Thay bầu phanh (1 xe)	6,00	6,00	4	4
	- Sửa chữa thay đĩa phanh (1 xe)	6,00	6,00	4	4
	- Thay má phanh	4,00	4,00	4	4
10	Thay thế đế + bầu lọc làm khô khí nén	3,00	3,00	4	4
11	Kiểm tra toàn bộ độ đảo, độ méo, độ mòn không đồng đều của hệ thống lốp, cân bằng động hệ thống vành bánh xe, lắp toàn bộ hệ thống lốp (thay lốp nếu đến định ngạch), hạ kích.	23,20	23,20	4	4

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)		Cấp bậc công việc	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
	Hoàn chỉnh toàn bộ, đi thử, bàn giao.				
	Cộng	386,50	386,50		
II	PHẦN ĐIỆN				
1	Làm thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe vào sửa chữa lớn	3,00	3,00	4	4
2	Rửa toàn bộ phần xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô	4,00	4,00	3	3
3	Chuẩn bị sản xuất: chuẩn bị các hồ sơ giấy tờ: tờ trình sửa chữa lớn, lệnh sửa chữa kèm biên bản nghiệm thu,... Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa, đồ nghề cầm tay. Chẩn đoán, kiểm tu tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn. Kiểm tu và lập phương án sửa chữa.	28,00	28,00	4	4
4	Đưa xe vào vị trí sửa chữa, tháo toàn bộ hệ thống chi tiết, cụm chi tiết ra khỏi xe.				
	- Tháo, lắp động cơ điện	16,00	16,00	4	4
	- Tháo, lắp các cụm đèn trước	2,00	2,00	4	4
	- Tháo, lắp các cụm đèn sau	2,00	2,00	4	4
	- Tháo, lắp đèn nóc	2,00	2,00	4	4
	- Tháo, lắp các đèn trong xe	24,00	24,00	4	4
	Tháo, lắp pin (10 pack)	30,00	30,00	5	5
	Tháo, lắp inverter	5,00	5,00	5	5
	Tháo, lắp sbox	2,00	2,00	5	5
	Tháo, lắp all-in-one	4,00	4,00	5	5
	Tháo, lắp hộp điều khiển làm mát pin DCMS	3,00	3,00	5	5
	- Tháo, lắp loa, radio, micro...	3,00	3,00	4	4
	- Tháo, lắp khoang tấp lô	3,00	3,00	4	4
	- Tháo, lắp bộ gạt mưa	2,00	2,00	4	4
	- Tháo, lắp hệ thống đóng mở cửa (bao gồm van cơ khí, piston xy lanh đóng mở cửa và cả các thanh giằng	6,00	6,00	4	4

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)		Cấp bậc công việc	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
	rô tuyn cửa)				
	- Tháo, lắp bó dây đầu xe, bảng cầu chì	4,00	4,00	5	5
	- Tháo, lắp bó dây trần xe (tính cả ốp sườn, ốp trần)	20,00	20,00	5	5
	- Tháo, lắp bó dây sát xi	24,00	24,00	5	5
	- Tháo, lắp bó dây đuôi xe	12,00	12,00	5	5
	- Tháo, lắp bó dây khoang động cơ	16,00	16,00	5	5
	- Tháo, lắp hệ thống điều khiển rơ le, cầu chì, ắc quy	8,00	8,00	4	4
5	Sửa chữa động cơ điện				
	- Thay vòng bi	10,00	10,00	5	5
	- Đo kiểm rô to, stato	8,00	8,00	5	5
6	Sửa chữa bó dây đầu xe, thay dây mới	18,00	18,00	5	5
7	Sửa chữa bó dây trần xe, thay dây mới	18,00	18,00	5	5
8	Sửa chữa bó dây sát xi, thay dây mới	18,00	18,00	5	5
9	Sửa chữa bó dây khoang động cơ, thay dây mới	20,00	20,00	5	5
10	Hệ thống làm mát pin				
	- Tháo, lắp bơm nước	3,00	3,00	4	4
	- Tháo, lắp đường ống làm mát và các kết nối	5,00	5,00	4	4
	- Tháo lắp cảm biến nhiệt độ	1,00	1,00	4	4
	- Tháo, lắp bình nước phụ	1,00	1,00	4	4
	- Thay thế dung dịch làm mát	2,00	2,00	4	4
	- Tháo, lắp dàn lạnh	1,00	1,00	4	4
	- Tháo, lắp dàn nóng	1,00	1,00	4	4
11	Hệ thống làm mát động cơ điện, sbx, inverter, all-in-one				
	- Tháo, lắp bơm nước	1,00	1,00	4	4
	- Tháo, lắp kết nước	1,50	1,50	4	4
	- Tháo, lắp đường ống làm mát và các kết nối	3,00	3,00	4	4
	- Tháo, lắp bình nước phụ	0,50	0,50	4	4
	- Thay thế dung dịch làm mát	2,00	2,00	4	4
12	Kiểm tra sửa chữa, thay thế đèn led	24,00	24,00	4	4
13	Kiểm tra thay thế camera	6,00	6,00	4	4

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)		Cấp bậc công việc	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
14	Thay thế màn hình quảng cáo	8,00	8,00	4	4
15	Kiểm tra sửa chữa thay thế công tắc xuống xe	4,00	4,00	4	4
16	Thay thế các công sọc trên xe	4,00	4,00	4	4
17	Thay thế ắc quy 24V-200Ah	2,00	2,00	3	3
18	Kiểm tra hoàn thiện, bàn giao	6,00	6,00	5	5
	Cộng	391,00	391,00		
III	PHẦN ĐIỀU HÒA				
1	Làm thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe vào sửa chữa lớn	3,00	3,00	4	4
2	Rửa toàn bộ phần xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô.	4,00	4,00	3	3
3	Chuẩn bị sản xuất: Chuẩn bị hồ sơ giấy tờ, tờ trình sửa chữa lớn, lệnh sửa chữa kèm biên bản nghiệm thu, dự trữ vật tư phụ tùng... và các giấy tờ, tài liệu thông số kỹ thuật khác liên quan. Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa, đồ nghề cầm tay. Chẩn đoán, kiểm tra tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn. Kiểm tra và lập phương án sửa chữa.	18,00	18,00	4	4
4	Đưa xe vào vị trí sửa chữa, tháo toàn bộ hệ thống chi tiết, cụm chi tiết ra khỏi xe.				
	- Thu hồi ga	1,20	1,20	4	4
	- Tháo, lắp quạt dàn nóng, dàn lạnh	2,40	2,40	4	4
	- Tháo, lắp dàn nóng	3,60	3,60	5	5
	- Tháo, lắp dàn lạnh	4,80	4,80	5	5
	- Tháo, lắp hệ thống đường ống cao áp, thấp áp	19,20	19,20	5	5
	- Tháo, lắp vệ sinh cửa chia gió	24,00	24,00	4	4
	- Tháo, lắp máy nén điều hòa	2,40	2,40	5	5
	- Tháo, lắp bảng điện điều khiển	3,50	3,50	5	5
	- Tháo, lắp công tắc điều khiển	1,20	1,20	5	5

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)		Cấp bậc công việc	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
	- Tháo, lắp hệ thống dây điện	14,40	14,40	5	5
	- Tháo, lắp toàn bộ hệ thống trần xe	25,00	25,00	4	4
	- Tháo, lắp hộp DC-DC chuyển đổi và phân phối điện cho hệ thống điều hòa	3,00	3,00	4	4
	- Tháo, lắp fill lọc ga điều hòa	3,00	3,00	4	4
	- Tháo, lắp van tiết lưu	4,00	4,00	4	4
5	Sửa chữa, thay thế quạt dàn nóng, dàn lạnh.	7,20	7,20	5	5
6	Kiểm tra, xúc rửa, sửa chữa cánh tản nhiệt dàn nóng, thay thế	19,20	19,20	5	5
7	Kiểm tra, xúc rửa, sửa chữa cánh tản nhiệt dàn lạnh, thay thế	19,20	19,20	5	5
8	Kiểm tra, sửa chữa, thay thế máy nén	19,00	19,00	5	5
10	Kiểm tra sửa chữa, thay thế hệ thống điều khiển.	9,60	9,60	5	5
11	Kiểm tra, xử lý độ kín hệ thống	9,60	9,60	5	5
12	Đổ dầu máy nén, hút chân không, nạp ga	9,60	9,60	5	5
13	Hoàn thiện, đo kiểm, chạy thử, bàn giao	4,00	4,00	5	5
	Cộng	234,10	234,10		
IV	PHẦN THÂN VỎ				
1	Tháo gỡ toàn bộ kính, tôn vỏ, ghế đệm, cửa xe, bậc lên xuống, chắn bùn xe	80,00	80,00	4	4
2	Sửa chữa phục hồi các khung cửa vỏ xe	540,00	540,00	5	5
3	Sửa chữa phục hồi phần vỏ, bậc lên xuống, chắn bùn xe	528,00	528,00	5	5
4	Sửa chữa phục hồi các ghế, đệm tựa, lắp ráp hoàn chỉnh lên xe	300,00	225,00	5	5
5	Sửa chữa phục hồi các dầm, xà, sàn xe, lớp bọc lót thành trong xe	480,00	480,00	5	5
6	Sửa chữa phục hồi, cửa lên xuống, các khung cửa kính, cửa thông gió	140,00	140,00	5	5
7	Lắp ráp hoàn chỉnh	110,00	110,00	5	5
8	Làm sạch bề mặt tôn vỏ xe, sàn xe, sơn chống gỉ sàn xe, ma tít, sơn lót toàn phần trong và ngoài vỏ xe, sơn	390,00	390,00	5	5

STT	Nội dung công việc	Định mức lao động (giờ công)		Cấp bậc công việc	
		TB	Nhỏ	TB	Nhỏ
	bóng toàn bộ xe, kẻ các chữ trong và ngoài xe				
	Cộng	2568,00	2493,00		

5. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ CHO SỬA CHỮA LỚN

5.1. Định mức vật tư phụ cho sửa chữa lớn đối với xe buýt điện lớn

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
I	PHẦN GÀM VÀ TRUYỀN LỰC		
1	Dầu rửa chi tiết	Lít	26
2	Xăng rửa chi tiết	Lít	10
3	Năng lượng điện chạy thử	Kwh	10
4	Keo làm kín (keo dán sắt)	Hộp	2
5	Giẻ lau	Kg	5
6	Giấy ráp	Tờ	5
7	Mỡ moay ơ	Kg	7
8	Mỡ bơm	Kg	1
II	PHẦN ĐIỆN		
1	Băng dính điện	Cuộn	4
2	Xăng rửa chi tiết	Lít	2
3	Năng lượng điện chạy thử	Kwh	10
4	Dây điện	m	10
5	Dây thít to, nhỏ	Cái	50
6	Giấy ráp	Tờ	5
7	Chất tẩy rửa (RP7)	Hộp	2
8	Giẻ lau	Kg	2
III	PHẦN ĐIỀU HÒA		
1	Băng dính điện	Cuộn	3
2	Dây thít to, nhỏ	Cái	30
3	Chất tẩy rửa (RP7)	Hộp	1
4	Dây điện	m	5
5	Giẻ lau	Kg	2
6	Năng lượng điện chạy thử	Kwh	10
IV	VẬT TƯ SƠN TOÀN BỘ XE		
1	Sơn chống gỉ	lít	16

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
2	Sơn ghi lót	lít	3
3	Sơn màu	lít	14
4	Sơn gầm xe ô tô	lít	8
5	Đông cứng lót	lít	6,5
6	Dung môi pha sơn	lít	4
7	Mỡ bơm	lít	1
8	Giấy ráp các loại	tờ	10
9	Đông cứng màu	lít	1
10	Bả keo hai thành phần	kg	42
11	Vải giáp nga để mài	mét	5
12	Băng dính	cuộn	8
13	Giấy báo	kg	1
14	Giẻ lau	kg	5

5.2. Định mức vật tư phụ cho sửa chữa lớn đối với xe buýt điện trung bình và nhỏ

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng	
			TB	Nhỏ
I.	PHẦN GẦM, TRUYỀN LỰC			
1	Dầu rửa chi tiết	Lít	25	25
2	Xăng rửa chi tiết	Lít	10	10
3	Điện để chạy thử, nghiệm thu	kWh	10	10
4	Keo làm kín (keo dán sắt)	Hộp	2	2
5	Giẻ lau	Kg	5	5
6	Giấy ráp	Tờ (0,5 m)	5	5
7	Mỡ moay ơ	Kg	7	7
8	Mỡ bơm	Kg	0,7	0,7
9	Dung dịch RP7	Lọ (400 ml)	2,0	2,0
II.	PHẦN ĐIỆN			
1	Băng dính điện	Cuộn	4	4
2	Xăng rửa chi tiết	Lít	2	2
3	Điện để chạy thử, nghiệm thu	kWh	10	10
4	Dây điện	M	10	10
5	Dây thít to, nhỏ	Cái	50	50
6	Giấy ráp	Tờ	5	5
7	Chất tẩy rửa (RP7)	Lọ (400ml)	2	2
8	Giẻ lau	Kg	2	2
III.	PHẦN ĐIỀU HÒA (LẠNH)			
1	Băng dính điện	Cuộn	3	3

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng	
			TB	Nhỏ
2	Dây thít to, nhỏ	Cái	30	30
3	Chất tẩy rửa (RP7)	Lọ (400 ml)	1	1
4	Dây điện	M	5	5
5	Giẻ lau	Kg	2	2
6	Điện để kiểm tu, chạy thử, nghiệm thu	kWh	10	10
IV.	PHẦN THÂN VỎ			
1	Sơn chống gỉ	Lít	15	15
2	Sơn ghi lót	Lít	2	2
3	Sơn màu	Lít	13	13
4	Sơn gầm xe	Lít	8	8
5	Đông cứng lót	Lít	6,5	6,5
6	Dung môi pha sơn	Lít	3	3
7	Mỡ bơm	Kg	1	1
8	Giấy ráp các loại	Tờ (0,5 m)	9	9
9	Đông cứng màu	Lít	1	1
10	Bả keo hai thành phần	Kg	42	42
11	Vải giáp nga để mài	Mét	5	5
12	Băng dính	Cuộn	7	7
13	Giấy báo	Kg	1	1
14	Giẻ lau	Kg	4	4